

Số: 24/BC-MNSK

Ea Kar, ngày 30 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch số 17C/KH-MNSK ngày 08/9/2025 về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 năm học 2025 - 2026;

Trường Mầm non Sao Khuê đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Sao Khuê
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 14, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
Website: <http://c0saokhue.pgdeakar.edu.vn>.
- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục
 - Sứ mạng

Trường Mầm non Sao Khuê là nơi ươm mầm, giúp trẻ có kỹ năng sống, phát triển khả năng tư duy và sáng tạo, phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp 1, đặt nền móng cho việc học tập ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

b. Tầm nhìn

Trường Mầm non Sao Khuê là một trường đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có tác phong làm việc khoa học, đổi mới, sáng tạo, tận tâm, trách nhiệm; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; có môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, xanh sạch đẹp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng.

c. Mục tiêu

Trên cơ sở đã xác định rõ sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cơ bản, trường Mầm non Sao Khuê xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục tiên tiến; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục đào tạo; chú trọng phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình

cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ cho trẻ; nâng cao chất lượng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Sao Khuê được tách ra từ trường Mầm non Hoà My và đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 01 năm 2013 theo Quyết định số 32/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 01 năm 2013 của UBND huyện Ea Kar (cũ). Trong năm học 2025 - 2026 nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Ea Kar, từ đó cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang, sạch đẹp hơn.

Hiện tại, trường có 01 điểm trường chính được xây dựng tại thôn 14 và 01 điểm trường lẻ đóng tại thôn 7 Ea Đar, xã Ea Kar. Trường có 10 phòng học, cùng với hệ thống trang thiết bị tương đối đầy đủ, đảm bảo để phục vụ cho hoạt động công tác quản lý, chỉ đạo và chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Các điểm trường đều có sân chơi được lát gạch và đổ bê tông, có cổng trường, có biển tên trường, có tường rào bao quanh, được thiết kế, trang trí đơn giản, nhẹ nhàng, phù hợp và đảm bảo các điều kiện theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non.

6. Thông tin người đại diện: Cô Hoàng Thị Sinh

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 14, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
- Số điện thoại: 0963 078 539
- Gmail: hoangthisinh52@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a)- Trường Mầm non Sao Khuê được thành lập theo Quyết định số 32/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 01 năm 2013 của UBND huyện Ea Kar.

b) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Hiệu trưởng: Cô Hoàng Thị Sinh, được bổ nhiệm theo Quyết định số 042/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND xã Ea Kar về việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý trường học.

- Phó Hiệu trưởng: Cô Phạm Thị Ánh Tuyết được bổ nhiệm theo Quyết định số 041/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND xã Ea Kar.

- Phó Hiệu trưởng: Cô Trần Thị Thảo được bổ nhiệm theo QĐ số 217/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Ea Kar về việc bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Nhà trường hoạt động theo Quy

chế tổ chức và hoạt động được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt. Quy chế là văn bản quy định rõ nguyên tắc tổ chức, phương thức điều hành và trách nhiệm của các bộ phận trong nhà trường, là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo hoạt động của nhà trường được thực hiện đúng định hướng, minh bạch và hiệu quả. Nội dung quy chế phù hợp với quy định của Điều lệ trường mầm non, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Chức năng: Là tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục mầm non, đồng thời tạo môi trường học tập, vui chơi an toàn, lành mạnh, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của trẻ.

- Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể:

+ Nhiệm vụ: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục mầm non hàng năm; Thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định và đúng tuyến; Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất của nhà trường; Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; Chủ động phối hợp với gia đình và cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng toàn diện.

+ Quyền hạn: Tự chủ trong việc tổ chức bộ máy nhà trường theo phân cấp quản lý; Tự chủ tài chính trong phạm vi được phân cấp, bảo đảm chi đúng, chi đủ, minh bạch và hiệu quả; Lựa chọn, bố trí đội ngũ giáo viên, nhân viên phù hợp với yêu cầu công việc và đặc thù địa phương; Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và nhu cầu của trẻ.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy gồm các thành phần cơ bản

+ CBQL (Cán bộ quản lý): Hiệu trưởng; 02 Phó hiệu trưởng.

+ 02 Tổ chuyên môn: Mầm - Lá và Nhà trẻ - Chồi (gồm 17 giáo viên và 01 nhân viên cấp dưỡng)

+ Tổ Văn phòng: (gồm 01 Kế toán, 01 y tế học đường, 01 bảo vệ)

+ Tổ chức đoàn thể: Chi bộ Đảng, Chi đoàn Thanh niên, Ban đại diện CMHS.

+ Nhà trường có các Hội đồng khác được thành lập theo từng nhiệm vụ căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

- Tổ chức bộ máy luôn đảm bảo nguyên tắc phối hợp, phân công - phân cấp rõ ràng.

+ Mỗi vị trí có chức trách, nhiệm vụ cụ thể.

+ Tăng cường trách nhiệm, sự phối hợp giữa Ban giám hiệu với các tổ chuyên môn và các đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Các văn bản tiêu biểu đã ban hành trong năm học:

- Kế hoạch số 17/KH-SK ngày 03/9/2025 của Trường MN Sao Khuê về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

- Các loại kế hoạch khác: Kế hoạch triển khai thu - chi các khoản theo quy định; Kế hoạch thực hiện chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của Nhà trường; Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế; Kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kế hoạch Kiểm tra nội bộ; Kế hoạch công khai theo quy định; Kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; Kế hoạch Cải cách hành chính; Kế hoạch đơn vị học tập; Kế hoạch phòng cháy chữa cháy; Kế hoạch tổ chức các ngày Lễ, Hội...

- Quy chế làm việc; quy chế dân chủ ở cơ sở; Quy chế chuyên môn; Quy chế chi tiêu nội bộ nguồn ngân sách; quy chế sử dụng bảo quản tài sản công theo năm hành chính, tuyển dụng, công khai.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số lượng giáo viên, CBQL, NV chia theo vị trí và trình độ đào tạo	Tổng: 24 người - CBQL: 03 (100% trình độ trên chuẩn) - Giáo viên: 17 (100% đạt trình độ chuẩn trở lên) - Nhân viên: 04 (kế toán, y tế, bảo vệ, cấp dưỡng)	Tổng: 22 người - CBQL: 03 (100% trình độ trên chuẩn) - Giáo viên: 15 (100% đạt trình độ chuẩn trở lên) - Nhân viên: 04 (kế toán, y tế, bảo vệ, cấp dưỡng)
2	Tỷ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp	100% giáo viên và CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định	100% giáo viên và CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định
3	Số lượng, tỷ lệ GV, CBQL, NV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	100% cán bộ, giáo viên và nhân viên tham gia và hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên năm học 2025 - 2026.	100% cán bộ, giáo viên và nhân viên tham gia và hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024 - 2025.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích khu đất,	Tổng diện tích: 3.963 m ² Bình quân: 18,3 m ² /trẻ (yêu cầu	Tổng diện tích: 4.593 m ² Bình quân: 19 m ² /trẻ (yêu cầu theo

	bình quân trên mỗi trẻ	theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT QĐ về tiêu chuẩn CSVC là 12 m ² /trẻ).	Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT QĐ về tiêu chuẩn CSVC là 12 m ² /trẻ).
2	Số lượng phòng các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Khối phòng hành chính, quản trị: 2 kiên cố. - Phòng học: 6 kiên cố; 02 bán kiên cố. - Khối phòng tổ chức ăn: 02 bán kiên cố. - Các công trình, khối phòng chức năng: 01 <p>Hiện trạng khối phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ (Phòng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, nhân viên bảo vệ, giáo dục nghệ thuật, khu vệ sinh dành cho CBQL, GV, NV) chưa hoàn toàn chuyên biệt và độc lập theo quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng hành chính: 0 - Phòng học: 10 kiên cố - Phòng ăn, ngủ, chức năng: 0 - Phòng y tế, kho, vệ sinh: 0 - Bếp ăn 1 chiều: 01. <p>Chưa đảm bảo khoản 1, Điều 6 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</p>
3	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của nhà trường trong năm học này được duy trì ổn định và đáp ứng đầy đủ yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo độ tuổi. - 07/08 lớp có tivi, học liệu, thiết bị thí nghiệm phù hợp; môi trường học tập thông thoáng, sạch sẽ, có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho từng trẻ. 08/08 lớp có đồ dùng học tập, đồ chơi và các góc hoạt động trong lớp đều được bố trí đầy đủ, đảm bảo an toàn tuyệt đối. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của nhà trường trong năm học này được duy trì ổn định và đáp ứng đầy đủ yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo độ tuổi. - 02 lớp học có máy tính kitmat, 08/08 lớp có tivi, học liệu, thiết bị thí nghiệm phù hợp; môi trường học tập thông thoáng, sạch sẽ, có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho từng trẻ. 08/08 lớp có đồ dùng học tập, đồ chơi và các góc hoạt động trong lớp đều được bố trí đầy đủ, đảm bảo an toàn tuyệt đối.
4	Đồ chơi ngoài trời,	- Trang thiết bị ngoài trời và khu vực phục vụ bán trú được	- Trang thiết bị ngoài trời và khu vực phục vụ bán trú được

thiết bị nuôi dưỡng	<p>giữ ổn định.</p> <p>- Đồ chơi ngoài trời đảm bảo đúng theo Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT.</p> <p>- Nhà trường có khu bếp diện tích 62 m², nhà kho 10 m², được bố trí gọn gàng, đảm bảo vệ sinh và thuận tiện cho việc tổ chức ăn bán trú, hoạt động hiệu quả, được trang bị tủ com, tủ lạnh, tủ lưu mẫu, nồi nấu cháo và các thiết bị phục vụ trẻ ăn bán trú đúng quy định.</p>	<p>giữ ổn định so với năm học trước.</p> <p>- Đồ chơi ngoài trời đảm bảo đúng theo Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT. Bếp ăn bán trú tiếp tục hoạt động hiệu quả, được trang bị tủ com, tủ lạnh và các thiết bị phục vụ trẻ ăn bán trú đúng quy định.</p>
---------------------	--	---

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tên tổ chức kiểm định	Đoàn đánh giá ngoài của Sở GDĐT tỉnh Đắk Lắk	Tự đánh giá
2	Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng	Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.	Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.
3	Mức độ đạt kiểm định	Chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.	Chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.
4	Thời gian hiệu lực	Từ năm 2025 đến năm 2030 (5 năm)	Tháng 6/2024 đến tháng 6/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số trẻ, nhóm/lớp, sĩ số bình quân	<p>- Tổng số trẻ: 215</p> <p>- Nhóm/lớp: 08</p>	<p>- Tổng số trẻ: 242</p> <p>- Nhóm/lớp: 08</p>

		- Bình quân: 27 trẻ/lớp.	- Bình quân: 30 trẻ/lớp.
2	Số trẻ học nhóm, lớp ghép	Không có	Không có
3	Số trẻ học 2 buổi/ngày	100% trẻ học 2 buổi/ngày	100% trẻ học 2 buổi/ngày
4	Số trẻ ăn bán trú, khám sức khỏe định kỳ	215/215 trẻ ăn bán trú và được khám sức khỏe định kỳ: 01 lần/năm	242/242 trẻ ăn bán trú và được khám sức khỏe định kỳ: 01 lần/năm
5	Số trẻ theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ	<ul style="list-style-type: none"> - 215/215 trẻ được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng. - Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: Nhà trẻ 2/19 trẻ, chiếm tỷ lệ 10,5%; Mẫu giáo 7/196 trẻ, chiếm tỷ lệ 3,6%; Riêng trẻ 5 tuổi 02/68 chiếm 2,9%. - Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: Nhà trẻ 0/19 chiếm 0%; Mẫu giáo 6/196 trẻ, chiếm tỷ lệ 3,1%; Riêng trẻ 5 tuổi 2/68 chiếm 2,9%. - Trẻ Mẫu giáo thừa cân, béo phì: 4/196 trẻ, chiếm tỷ lệ 2%; 5 tuổi 03/68 chiếm 4,4%. - Tỷ lệ SDD nhẹ cân, SDD thấp còi, béo phì nằm ở mức trung bình so với tỷ lệ thống kê của xã 	<ul style="list-style-type: none"> - 242/242 trẻ được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng. - Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: Nhà trẻ 01/18 chiếm 5,6%; Mẫu giáo 12/224 chiếm 5,3%; Riêng trẻ 5 tuổi 05/102 chiếm 4,9%. - Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: Nhà trẻ 01/18 chiếm 5,6%; Mẫu giáo 08/224 chiếm 3,6%; Riêng trẻ 5 tuổi 04/102 chiếm 3,9%. - Trẻ MG béo phì: 04/224 chiếm tỷ lệ 1,8%; 5 tuổi 04/102 chiếm 3,9%. - Tỷ lệ SDD nhẹ cân, SDD thấp còi, béo phì nằm ở mức trung bình so với tỷ lệ thống kê của huyện.
6	Kết quả phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - 68/68 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt tỷ lệ 100 % - Đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN - Đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi năm 2024.

		năm 2025.	
7	Số trẻ khuyết tật	Không có	Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Định mức/năm	Số tiền
A	Phần thu		5.568.083.500
I	Ngân sách		4.516.946.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ		3.710.033.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ		806.913.000
II	Học phí		37.967.500
1	Mức thu		
	- Nhà trẻ	540,000	5.280.000
	- Mẫu giáo	495,000	32.687.500
2	Thực hiện miễn giảm		29.067.500
	- Miễn 100%	495,000	28.710.000
	- Giảm 50%	495,000	165.000
	- Giảm 70%	495,000	192.500
III	Thu từ người học		1.013.170.000
1	Dịch vụ vệ sinh	260,000	56.940.000
2	Tiền ăn uống	3.633.000	694.525.000
3	Tiền chăm sóc bán trú	290,000	63.510.000
4	Tiền trang thiết bị phục vụ bán trú	100,000	22.150.000
5	Tiền dạy ngoại ngữ(Tiếng Anh)	720.000	128.000.000
6	Kinh Phí Ban đại diện cha mẹ HS	Theo phiếu	48.045.000
B	Phần chi		5.565.866.500
1	Chi lương và các khoản có tính chất như lương, tiền công		3.706.008.578
2	Chi phí công tác chuyên môn (đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục)		1.769.370.572

3	Chi hỗ trợ người học		54.200.000
4	Chi Khác		36.287.350
C	Số kinh phí tồn quỹ		2.217.000
D	Dự kiến kế hoạch thu năm học 2026 - 2027		
1	Tiền ăn	3.500.000	
2	Tiền thuê người nấu ăn, quản lý bếp ăn, phục vụ, vệ sinh bếp ăn	450.000	
3	Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú	110.000	
4	Tiền điện, nước phục vụ hoạt động của học sinh bán trú	90.000	
5	Tiền nước uống học sinh	60.000	
6	Tiền dịch vụ vệ sinh	340.000	
7	Làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo	720.000	
8	Tiền bảo vệ(điểm trường thôn 7)	200.000	
9	Kinh phí hoạt động của Ban Đại Diện Cha Mẹ Học Sinh	Do CMHS quyết định	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG TÂM KHÁC

1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành chung được thông báo qua các kênh như: Website, phần mềm quản lý văn bản https://ioffice.vnptdaklak.vn/qlvbdh_dlk, Email, Zalo, Google Drive, hỗ trợ giám sát, chỉ đạo, giao nhiệm vụ kịp thời, hiệu quả. Giáo viên sử dụng phần mềm PowerPoint, video, hình ảnh, phần mềm kể chuyện, phần mềm học tiếng Anh... nhằm tăng tính trực quan, sinh động trong các hoạt động giáo dục. Việc gửi báo cáo, kế hoạch, thông tin chỉ đạo được thực hiện qua email, Zalo nhóm, góp phần nâng cao hiệu quả công việc. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng CNTT phục vụ chuyên môn và quản lý. Các hoạt động, hình ảnh nhà trường được cập nhật thường xuyên trên fanpage, góp phần lan tỏa hình ảnh tích cực và minh bạch thông tin đến cha mẹ học sinh.

2. Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh công tác truyền thông

Trong năm học, nhà trường đã phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua, đặc biệt tập trung thực hiện hiệu quả phong trào “Xây dựng trường học hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm” và phong trào “viết sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp công tác”; “phong trào thể dục thể thao”; “tham gia các bài viết, thi tìm hiểu pháp luật... hình thức trực tiếp và

trực tuyến trên không gian mạng”..., tạo môi trường làm việc tích cực, gắn bó. Tham gia chuyên đề trong Cụm chuyên môn số 19 đạt nhiều kết quả nổi bật.

Trên đây là báo cáo thường niên về việc thực hiện công khai đối với cơ sở GDMN theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025 - 2026 của trường MN Sao Khuê. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của lãnh đạo cấp trên để nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện trong đơn vị được tốt hơn./.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Sinh